TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số 129/2025/HNGĐ-ST Ngày 15 – 9 - 2025 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Phạm Việt Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 125/2025/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Kiều Y, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: ấp BB, xã LTT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Đoái Quốc D, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: ấp TL B, xã TT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Kiều Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh D chung sống năm 2011, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Nhưng từ khoảng 06 năm đến 07 năm nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nặng nề trong quan điểm sống. Vợ chồng không còn sống chung khoảng 03 năm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Đoái Yến T, sinh ngày 09/6/2012 và Đoái Gia H, sinh ngày 01/8/2015 hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 người con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Đối với anh Đoái Quốc D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Kiều Y khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Đoái Quốc D là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Y có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Y, anh D.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2011, chị Y với anh D chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị Y với anh D không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu T đã hơn 13 tuổi và cháu H đã hơn 10 tuổi hiện đang sống cùng chị Yến. Khi ly hôn, chị Y yêu cầu được nuôi 02 người con, không yêu cầu cấp dưỡng. Tuy nhiên, anh D không có ý kiến. Xét thấy: Theo nguyện vọng của cháu T và H thể hiện, 02 cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và điều kiện học của các cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y về con chung.

[5] Xét tài sản chung và các vấn đề khác: Chị Y xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng anh D không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Chị Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kiều Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Kiều Y với anh Đoái Quốc D là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Đoái Yến T, sinh ngày 09/6/2012 và Đoái Gia H, sinh ngày 01/8/2015 cho chị Nguyễn Kiều Y được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đoái Quốc D không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Kiều Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0012034 ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4; chị Nguyễn Kiều Y đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh